

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2679* /UBND-NC

Hưng Yên, ngày *14* tháng 9 năm 2018

V/v triển khai thực hiện Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND quy định hỗ trợ công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68 thời việc theo nguyện vọng

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;
- Các tổ chức hội được Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc;
- Các quỹ tài chính nhà nước được giao số lượng người làm việc.

Thực hiện các Nghị quyết ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII: Nghị quyết số 18-NQ/TW một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; các Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW; để góp phần đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành mục tiêu, tỷ lệ tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 của tỉnh; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 quy định hỗ trợ công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý thời việc theo nguyện vọng.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh với những nội dung cụ thể như sau:

I. Yêu cầu:

1. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND và Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, gắn với việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm trong mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương Sáu khóa XII, các Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước và việc chấp hành nghiêm túc của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện quy định của tỉnh về việc hỗ trợ công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thôi việc theo nguyện vọng.

3. Bảo đảm khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch, theo đúng quy định của pháp luật và quy định của tỉnh; không làm gián đoạn, ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; không làm ảnh hưởng đến tư tưởng, đời sống của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

II. Trình tự, thủ tục giải quyết chế độ thôi việc theo nguyện vọng

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng quy định hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND.

Cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP không giải quyết chế độ thôi việc theo nguyện vọng đối với các đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND hoặc do yêu cầu công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Điều kiện áp dụng: Việc hỗ trợ công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thôi việc theo nguyện vọng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND áp dụng trong trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy (hợp nhất, sáp nhập, giải thể), chuyển đổi cơ chế tài chính, chuyển đổi mô hình hoạt động, thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 88-KH/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, các Kế hoạch ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Kế hoạch số 36/KH-UBND thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 37/KH-UBND thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tự nguyện có đơn xin thôi việc và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

3. Thẩm quyền quyết định cho thôi việc và giải quyết chế độ thôi việc theo nguyện vọng: Cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng công chức, viên

chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP quy định tại Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm xét duyệt, quyết định cho thôi việc và giải quyết chế độ thôi việc đối với các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND để thực hiện tinh giản biên chế (cắt giảm biên chế), cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức khi cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy (hợp nhất, sáp nhập, giải thể), chuyển đổi cơ chế tài chính, chuyển đổi mô hình hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Chế độ hỗ trợ thôi việc:

a) Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND khi thôi việc theo nguyện vọng được tính hỗ trợ 01 lần với mức hỗ trợ 500.000 đồng/01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội; mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/người.

b) Công chức, viên chức thôi việc theo nguyện vọng, ngoài chế độ hỗ trợ thôi việc theo quy định tại Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND còn được hưởng chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của pháp luật như sau:

- Công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thôi việc theo nguyện vọng được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; cụ thể: cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 (một phần hai) tháng lương hiện hưởng, gồm: mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 (một) tháng lương hiện hưởng. Nguồn kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc đối với công chức được bố trí trong dự toán chi hoạt động thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm.

- Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm viên chức quản lý và viên chức chuyên môn) thôi việc được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; cụ thể: từ ngày 31/12/2008 trở về trước, cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 (một phần hai) tháng lương hiện hưởng, gồm: mức lương theo chức danh nghề nghiệp, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có); từ ngày 01/01/2009 đến nay được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm năm 2013. Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 (một) tháng lương hiện hưởng. Nguồn kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc đối với viên chức đơn vị sự nghiệp công lập được lấy từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Chế độ bảo hiểm xã hội: Chế độ bảo hiểm xã hội đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thôi việc theo nguyện vọng quy định tại Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, cụ thể:

a) Công chức thôi việc theo nguyện vọng được hỗ trợ thôi việc theo quy định của tỉnh, được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

b) Viên chức (bao gồm viên chức lãnh đạo, quản lý và viên chức chuyên môn) thôi việc theo nguyện vọng được hỗ trợ thôi việc theo quy định của tỉnh, được hưởng trợ cấp thôi việc quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP và được xác nhận thời gian có đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

c) Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thôi việc theo nguyện vọng được hỗ trợ thôi việc theo quy định của tỉnh và được xác nhận thời gian có đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

6. Trình tự thực hiện:

a) Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND có Đơn đề nghị thôi việc theo nguyện vọng kèm theo hồ sơ, tài liệu của cá nhân gửi Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp.

b) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường, trung tâm, bệnh viện,...): Họp lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị và cấp ủy đảng, các tổ chức đoàn thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị; rà soát, xem xét, tổng hợp, lập văn bản đề nghị kèm theo biên bản họp và danh sách, hồ sơ, tài liệu của các đối tượng thôi việc theo nguyện vọng gửi cơ quan chủ quản xét duyệt.

c) Cơ quan chủ quản xét duyệt, tổng hợp danh sách, hồ sơ, tài liệu, đề xuất mức hỗ trợ thôi việc đối với các đối tượng xin thôi việc theo nguyện vọng và có văn bản gửi Sở Nội vụ thẩm định. Thời gian giải quyết đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp và cơ quan chủ quản quản lý công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tối đa là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của các đối tượng xin thôi việc theo nguyện vọng. Thời gian Sở Nội vụ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định đồng ý cho thôi việc, giải quyết chế độ thôi việc hoặc có ý kiến bằng văn bản để cơ quan chủ quản quyết định đồng ý cho thôi việc, giải quyết chế độ thôi việc tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản quản lý công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

d) Sở Nội vụ tổng hợp kinh phí, hồ sơ, tài liệu và có văn bản gửi Sở Tài chính thẩm tra việc tính toán mức hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ thôi việc theo quy định; thời gian Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Nội vụ.

7. Hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ thôi việc theo nguyện vọng và đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị của công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP xin thôi việc theo nguyện vọng và đề nghị cho hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND kèm theo các bản sao có chứng thực: Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức hoặc văn bản thỏa thuận của Sở Nội vụ đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số

68/2000/NĐ-CP; Quyết định công nhận kết quả tập sự và bổ nhiệm vào ngạch công chức, viên chức; Sổ bảo hiểm xã hội và tờ rời Sổ bảo hiểm xã hội (trong đó có chốt đến thời điểm thôi việc và số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội do cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận).

b) Văn bản đề nghị cho công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thôi việc theo nguyện vọng và đề nghị thực hiện tinh giản (cắt giảm) biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ thôi việc kèm theo Biểu mẫu tính toán kinh phí hỗ trợ thôi việc đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thôi việc theo nguyện vọng.

c) Biên bản cuộc họp của tập thể lãnh đạo, cấp ủy, công đoàn, đoàn thanh niên của cơ quan, tổ chức, đơn vị xét duyệt, cho công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thôi việc theo nguyện vọng; Biên bản hoặc Nghị quyết cuộc họp của tập thể lãnh đạo, cấp ủy, công đoàn cơ quan chủ quản (sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố) xét duyệt, đồng ý cho công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thôi việc theo nguyện vọng.

d) Biểu kê khai tổng hợp quá trình công tác có đóng bảo hiểm xã hội và diễn biến tiền lương của công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thôi việc theo nguyện vọng có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Phiếu đánh giá công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong 02 năm liền kề trước khi xin thôi việc theo nguyện vọng; Bản sao các văn bằng trình độ chuyên môn (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học) của công chức, viên chức có chứng thực hoặc xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

e) Đề án, Phương án thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy (hợp nhất, sáp nhập, giải thể), chuyển đổi cơ chế tài chính, chuyển đổi mô hình hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị đã được thẩm định, quyết định chấp thuận, phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

g) Các giấy tờ, tài liệu có liên quan khác (nếu có).

(Gửi kèm biểu mẫu số 01, 02)

8. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/9/2018 đến ngày 31/12/2021.

9. Đối với các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND thuộc khối các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện chế độ thôi việc theo nguyện vọng của tỉnh theo quy định; thẩm định, xét duyệt, tổng hợp và có văn bản, hồ sơ, tài liệu kèm theo gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ thôi việc theo quy định.

III. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức hội được Nhà

nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc, các tổ chức quỹ tài chính Nhà nước được giao số lượng người làm việc:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị nội dung các văn bản sau: Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý thôi việc theo nguyện vọng; Luật Việc làm năm 2013; Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Rà soát, đánh giá, phân loại, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm gắn với việc đánh giá năng lực, trình độ, kết quả công tác và phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe của từng người; bảo đảm phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; cơ cấu ngạch công chức và tiêu chuẩn ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm, độ tuổi, giới tính,... Lựa chọn những cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe để giữ lại làm việc ổn định, lâu dài trong quá trình các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Xác định số cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP dôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, hoặc có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí, sắp xếp việc làm khác; hoặc chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn; lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP dôi dư đưa vào diện tinh giản biên chế hoặc cho thôi việc theo nguyện vọng theo quy định.

d) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND bảo đảm đúng mục đích, yêu cầu, trình tự, thủ tục, công khai, dân chủ, khách quan, công bằng, giải quyết kịp thời, đúng chế độ, chính sách đối với các đối tượng thôi việc theo nguyện vọng. Cơ quan, tổ chức, đơn vị nào giải quyết sai đối tượng, sai chế độ chính sách thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

2. Sở Nội vụ:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND và Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức hội được Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc, các tổ chức quỹ tài chính nhà nước được giao số lượng người làm việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND và các văn bản liên quan.

c) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định đồng ý cho thôi việc, giải quyết chế độ thôi việc hoặc có ý kiến bằng văn bản đề cơ quan chủ quản quyết định đồng ý cho thôi việc, giải quyết chế độ thôi việc.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ đề nghị thôi việc và chế độ hỗ trợ thôi việc, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí theo quy định.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của tỉnh về thôi việc theo nguyện vọng; hàng năm tổng hợp kết quả, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan tổng hợp, xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện quy định của tỉnh về thôi việc theo nguyện vọng đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

g) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện tinh giản (cắt giảm) biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tương ứng với số công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thôi việc theo nguyện vọng.

3. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND và Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND.

b) Hướng dẫn, thẩm tra việc tính toán mức hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp bổ sung kinh phí, nguồn kinh phí năm 2018 và dự toán kinh phí, nguồn kinh phí năm 2019 và những năm tiếp theo để thực hiện việc chi trả cho các đối tượng thôi việc theo nguyện vọng.

c) Kiểm tra, quyết toán, tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND báo cáo Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

d) Phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành có liên quan giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện quy định của tỉnh về thôi việc theo nguyện vọng.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên, Báo Hưng Yên:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa, nội dung Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND và các văn bản pháp luật có liên quan; đăng tải thông tin về tình hình, kết quả thực hiện.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các chế độ chính sách về trợ cấp thất nghiệp, các quy định về bảo hiểm xã hội đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn, giải quyết kịp thời, đúng quy định chế độ, chính sách trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm xã hội khi công chức, viên chức thôi việc theo nguyện vọng.

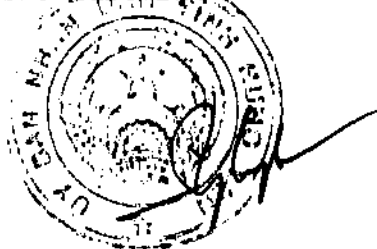
6. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát và phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị để triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu quả.

7. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan) hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện chế độ thôi việc theo nguyện vọng của tỉnh đối với khối các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; chủ trì, phối hợp với các Ban Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 158/2018/NQ-HĐND, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND, các văn bản pháp luật có liên quan đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý; thẩm định, xét duyệt, tổng hợp và có văn bản, hồ sơ, tài liệu kèm theo gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ thôi việc theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Báo Hưng Yên;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{NH}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Ngọc Quỳnh

Mẫu số 01

(Kèm theo Công văn số /UBND-NC ngày /9/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Được thôi việc theo nguyện vọng và hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh

Kính gửi: -⁽¹⁾

-⁽²⁾

- Họ và tên người đề nghị:..... Nam/Nữ:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Cơ quan, đơn vị công tác:

- Ngày, tháng, năm được tuyển dụng:

- Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức:

- Trình độ đào tạo chuyên môn:; Chuyên ngành:

- Tôi làm đơn này kính đề nghị:

xem xét cho tôi được thôi việc theo nguyện vọng và được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, kể từ ngày tháng năm 20.....

- Lý do xin thôi việc: theo nguyện vọng cá nhân do⁽³⁾

Trước đây, tôi được giao đảm nhận vị trí việc làm
với công việc chính là:

Hiện nay, tôi đã được cơ quan (tổ chức, đơn vị) bố trí vào vị trí việc làm
với công việc chính là

.....⁽⁴⁾. Nhưng tôi có nguyện vọng xin thôi việc và cam đoan không thuộc đối tượng không áp dụng chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng quy định tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội (tính đến ngày dự kiến thôi việc là ngày tháng năm 20....): ... năm tháng (Tổng số: tháng)

Từ tháng/ năm	Đến tháng/ năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị làm việc	Số năm, tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội	Số năm, tháng công tác có đóng bảo hiểm thất nghiệp	Đã được hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chế độ BHXH một lần hoặc chế độ phục viên, xuất ngũ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
.../...	.../...	năm thángnăm tháng		

.../...	.../...					
.../...	.../...					

(Lưu ý: Cột (6) ghi rõ là: "Có" hay: "Không có")

+ Tổng thời gian làm việc: năm tháng.

+ Tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội: năm tháng.

+ Tổng thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội đã được hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần chế độ phục viên, xuất ngũ: năm tháng (từ tháng năm đến tháng năm).

+ Tổng thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội chưa được hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chế độ bảo hiểm xã hội một lần chế độ phục viên, xuất ngũ và đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng quy định tại Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên là năm tháng, được tính thành tổng số tháng là tháng (từ tháng năm đến tháng năm).

+ Căn cứ Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, tổng số tiền đề nghị hỗ trợ một lần cho tôi được thôi việc theo nguyện vọng là đồng.

Tôi xin cam đoan chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, quy định của tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cho đến ngày được giải quyết thôi việc và thực hiện mọi thủ tục bàn giao công việc, tài chính, tài sản liên quan đến công việc do tôi đảm nhiệm.

Kính đề nghị xem xét, giải quyết. /.

Người kiểm tra nội dung đơn ⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng
(Ký tên, đóng dấu, ghi họ tên người ký)

⁽¹⁾ Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thôi việc.

⁽²⁾ Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng trực tiếp.

⁽³⁾ Ghi rõ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trường hợp nào theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND (do cơ quan (tổ chức, đơn vị) thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, chuyển đổi cơ chế tài chính, chuyển đổi mô hình hoạt động, thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức).

⁽⁴⁾ Vị trí việc làm (nếu có) và tóm tắt công việc chính trước đây; vị trí việc làm (nếu có) và tóm tắt công việc chính hiện nay đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị bố trí.

⁽⁵⁾ Người được phân công kiểm tra nội dung đơn có trách nhiệm căn cứ các hồ sơ có liên quan để kiểm tra toàn bộ nội dung đơn đảm bảo theo đúng quy định và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra của mình. Trường hợp sau khi kiểm tra nếu phát hiện có nội dung không phù hợp và sau khi trao đổi nhưng không được sự thống nhất của người đề nghị, người được phân công kiểm tra có trách nhiệm lập thành văn bản kèm theo hồ sơ có liên quan báo cáo Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng để báo cáo trong cuộc họp xét duyệt.

